

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MH E&C VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MH E&C VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM E&C MH CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NAM E&C MH CONSTRUCTION INVESTMENT., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108358834

**3. Ngày thành lập:** 11/07/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 45, tổ 2, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974800009

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                      | 4330     |
| 2.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                      | 7410     |
| 3.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                    | 4771     |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                          | 4290     |
| 5.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                   | 4312     |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                               | 4321     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; | 4649     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                             | 4663     |
| 9.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                     | 4751     |
| 10. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                             | 4759     |
| 11. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                     | 0810     |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác                                                                                                                                                                                 | 0990     |
| 13. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                      | 1410     |
| 14. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                    | 1420     |
| 15. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                            | 1812     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                      | 4329     |

|     |                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                            | 4752        |
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                             | 7110        |
| 19. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                        | 4782        |
| 20. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                             | 4390        |
| 21. | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                                   | 0520        |
| 22. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                             | 0710        |
| 23. | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                                                                  | 0510        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                 | 4322        |
| 25. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng trang sức)                                                                                             | 4662        |
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý;                                                                                                             | 4610        |
| 27. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                            | 4641        |
| 28. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt<br>Chi tiết:<br>- Khai thác quặng bôxít;<br>- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu; | 0722        |
| 29. | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                   | 0892        |
| 30. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                            | 1430        |
| 31. | Phá dỡ                                                                                                                                                          | 4311        |
| 32. | In ấn                                                                                                                                                           | 1811        |
| 33. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                           | 4100(Chính) |
| 34. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                       | 4210        |
| 35. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                    | 4220        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN MỸ HÙNG     | Số nhà 45, tổ 2, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 60,000    | 035078000008                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 60,000    |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN THỊ HƯƠNG   | Số nhà 1, tổ 43, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 013521742                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN LƯỢNG | Thôn Chùa, Xã Lương Phong, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    | 121570583                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN MỸ HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/12/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035078000008

Ngày cấp: 06/12/2012

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 45, tổ 2, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 45, tổ 2, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội